HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2020/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương của tỉnh Quảng Ngãi quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương của tỉnh Quảng Ngãi quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương của tỉnh Quảng Ngãi quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu;

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, di sản không người thừa kế, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy trừ tài sản quy định tại các điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn

dân về tài sản.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ) gồm: tài sản chuyển giao là: bất động sản, xe ô tô các loại, tài sản khác có giá trị trên 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và tài sản chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không quá 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý Sở, ban, ngành tỉnh và cấp tương đương (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ) đối với tài sản chuyển giao đã xác định

cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản không quá 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện (trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ) đối với tài sản chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng và không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương quyết định tịch thu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản là bất động sản, xe ô tô các loại, tài sản khác (không phải là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng) có giá trị trên 50 triệu đồng/1 vụ việc xử lý (không bao gồm trường hợp giao hoặc điều chuyển tài sản);

- Giao tài sản cho các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;

- Điều chuyển tài sản giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh với cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện phù hợp với thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại Nghị quyết đang có hiệu lực của HĐND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì quản lý tài sản quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

Tài sản có giá trị không quá 50 triệu đồng/1 vụ việc xử lý không thuộc trường hợp giao hoặc điều chuyển tại điểm a khoản 1 Điều này (trừ tài sản là bất động sản, ô tô) do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định tịch thu.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản có giá trị không quá 50 triệu đồng /1 vụ việc xử lý xảy ra trên địa bàn địa phương quản lý không thuộc trường hợp giao hoặc điều chuyển tại điểm a khoản 1 Điều này (trừ tài sản là bất động sản, ô tô) do cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu;

- Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại Nghị

quyết đang có hiệu lực của HĐND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

d) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức thực hiện theo quy định đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ):

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản và xe ô tô do cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao, tài sản khác do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

3. Đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định tịch thu (trừ các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản và xe ô tô do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu; tài sản khác do cơ quan điều tra cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ra quyết định tịch thu;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

4. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, di sản không người thừa kế, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy (trừ các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ)

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, bất động sản không có người thừa kế, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không thừa kế do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS (01).ptth.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân